

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1212 /UBND-KGVX
V/v thực hiện Thông tư số 25/2023/TT-
BKHCN ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng
Bộ Khoa học và Công nghệ

Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ.

Ngày 24/01/2024, UBND tỉnh nhận được Thông tư số 25/2023/TT-BKHCN ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030 (*file điện tử kèm theo*); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia Chương trình công nghệ cao; chủ động tham mưu UBND tỉnh đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc chương trình công nghệ cao theo quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Q. Chủ tịch, PCT Nguyễn Thị Hoàng;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh (KGVX);
- Lưu: VT, KGVX(vudq).



Nguyễn Thị Hoàng



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/2023/TT-BKHHCN

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

THÔNG TƯ

Quy định quản lý Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghệ cao và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định quản lý Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030.



Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc quản lý Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây viết tắt là Chương trình công nghệ cao).

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia triển khai, tổ chức thực hiện và quản lý Chương trình công nghệ cao.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình thành phần thuộc Chương trình công nghệ cao* (sau đây viết tắt là Chương trình thành phần) là các chương trình được giao cho các Bộ chủ trì tổ chức xây dựng và triển khai, bao gồm: Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, phát

triển công nghệ cao, phát triển sản phẩm và dịch vụ công nghệ cao do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì; Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao do Bộ Công Thương chủ trì; Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì.

2. *Ban Chủ nhiệm Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030* (sau đây viết tắt là Ban Chủ nhiệm Chương trình công nghệ cao) do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập, có nhiệm vụ tư vấn triển khai các hoạt động của Chương trình công nghệ cao.

3. *Đơn vị quản lý chuyên môn* là đơn vị được Bộ Khoa học và Công nghệ phân công tổ chức triển khai các nội dung chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ theo đúng mục tiêu, nội dung và sản phẩm của Chương trình công nghệ cao được cụ thể hóa tại các khung chương trình thành phần thuộc Chương trình công nghệ cao đã được các Bộ phê duyệt.

4. *Đơn vị quản lý kinh phí* là đơn vị được Bộ Khoa học và Công nghệ phân công quản lý việc sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước và thực hiện các hoạt động phục vụ quản lý nhà nước để thực hiện các mục tiêu, nội dung và sản phẩm của Chương trình công nghệ cao.

Điều 3. Nhiệm vụ thuộc Chương trình công nghệ cao

Nhiệm vụ thuộc Chương trình công nghệ cao bao gồm:

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (sau đây viết tắt là nhiệm vụ KH&CN) triển khai theo các hình thức dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ, gồm:

- Thực hiện nghiên cứu làm chủ, phát triển công nghệ cao, hoàn thiện công nghệ cao, sản xuất thử nghiệm và đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao với quy mô công nghiệp, cung ứng dịch vụ công nghệ cao; nghiên cứu giải mã công nghệ, khai thác sáng chế, triển khai thực nghiệm, sản xuất sản phẩm công nghệ cao với quy mô công nghiệp, cung ứng dịch vụ công nghệ cao;

- Thực hiện nghiên cứu làm chủ công nghệ nhập khẩu, công nghệ được chuyển giao thích nghi với điều kiện sản xuất ở Việt Nam, triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao ở quy mô nhỏ; ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học trên cơ sở nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao hoặc chuyển giao công nghệ.

2. Các hoạt động chung của Chương trình công nghệ cao, gồm: hỗ trợ và tạo điều kiện cho ứng dụng, sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao; đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghệ cao; nâng cao nhận thức xã hội về vai trò và tác động của công nghệ cao thông qua việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính

sách và tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách tại các Chương trình, Đề án có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Nguyên tắc chung lựa chọn nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao

1. Công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao được phát triển, tạo ra từ nhiệm vụ KH&CN phải đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

b) Có tính mới, có khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ;

c) Có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn khu vực hoặc quốc tế; được kiểm định tại đơn vị độc lập có chức năng và năng lực kiểm định; tuân thủ tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường;

d) Có khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường trong nước và ngoài nước.

2. Mục tiêu của nhiệm vụ KH&CN phải rõ ràng, phù hợp với Khung chương trình thành phần thuộc Chương trình công nghệ cao đã được các Bộ phê duyệt, định lượng được và phải có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước; dự kiến quy mô thị trường, giá trị công nghệ và sản phẩm được tạo ra từ nhiệm vụ phải đủ lớn.

3. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải có khả năng huy động nguồn lực từ bên ngoài để bảo đảm tài chính, công nghệ và những yếu tố khác cho việc thực hiện thành công dự án; phải có kinh phí đối ứng hợp pháp từ các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho hoạt động nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam. Trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

4. Khuyến khích nhiệm vụ KH&CN tạo ra công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao trên cơ sở làm chủ công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ có ý nghĩa then chốt hoặc công nghệ, sản phẩm chủ lực của các ngành, lĩnh vực và địa phương, có tiềm năng thương mại hóa và tiêu thụ trên thị trường.

5. Đối với tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN là doanh nghiệp mới được thành lập chưa có báo cáo tài chính tại thời điểm triển khai nhiệm vụ, tổ chức chủ trì phải có cam kết bảo lãnh của ngân hàng trước ngày ký hợp đồng.

Điều 5. Mã số nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao

Mã số nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao được quy định như sau:

1. Mã số của dự án khoa học và công nghệ:

- a) Mã số chung của dự án khoa học và công nghệ là: CNC.aa.KHCN.xx/yy;
- b) Mã số của đề tài khoa học và công nghệ thuộc dự án khoa học và công nghệ là: CNC.aa.KHCN.ĐT.xx/yy;
- c) Mã số của dự án sản xuất thử nghiệm thuộc dự án khoa học và công nghệ là: CNC.aa.KHCN.DA.xx/yy.
2. Mã số của dự án sản xuất thử nghiệm: CNC.aa.DA.xx/yy
3. Các chữ cái "aa" và "xx", "yy" tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được quy định như sau:

"aa" là hai chữ cái biểu thị tên chương trình thành phần, cụ thể: Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ cao, phát triển sản phẩm và dịch vụ công nghệ cao là "KH"; Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao là "CN"; Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là "NN".

"xx" là hai chữ số biểu thị thứ tự của dự án khoa học và công nghệ hoặc dự án sản xuất thử nghiệm.

"yy" là hai chữ số cuối cùng của năm bắt đầu thực hiện dự án khoa học và công nghệ hoặc dự án sản xuất thử nghiệm.

Chương II

TIÊU CHÍ LỰA CHỌN NHIỆM VỤ KH&CN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NGHỆ CAO

Điều 6. Tiêu chí dự án khoa học và công nghệ thuộc Chương trình công nghệ cao

Dự án khoa học và công nghệ phải đáp ứng tiêu chí sau:

1. Công nghệ được nghiên cứu phát triển trong dự án khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là dự án KH&CN) phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và phải thuộc một trong những trường hợp sau: là công nghệ được nghiên cứu phát triển, ứng dụng để tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu; được nghiên cứu để thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài.

2. Mục tiêu, nội dung của dự án KH&CN phải gắn kết hữu cơ, đồng bộ, được tiến hành trong một thời gian nhất định và được triển khai dưới hình thức đề tài KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây viết tắt là nhiệm vụ thuộc dự án KH&CN).

3. Kết quả của dự án KH&CN phải đáp ứng một trong các điều kiện sau: bảo đảm cho việc phát triển công nghệ cao đạt trình độ tiên tiến trong khu vực trong từng giai đoạn đáp ứng nhu cầu thực tiễn, ứng dụng hiệu quả công nghệ cao trong sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao; có ý nghĩa quyết định đến việc tạo ra sản phẩm chủ lực của các ngành kinh tế; tạo ra dịch vụ công nghệ cao công ích, hình thành doanh nghiệp công nghệ cao trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học.

4. Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm dự án KH&CN phải đáp ứng yêu cầu sau:

a) Tổ chức chủ trì có tư cách pháp nhân, có đủ năng lực về cơ sở vật chất, tài chính, nhân lực, khả năng triển khai, phối hợp nghiên cứu và ứng dụng kết quả dự án KH&CN vào sản xuất.

Ưu tiên tổ chức chủ trì đang triển khai dự án đầu tư thuộc lĩnh vực có liên quan đến dự án khoa học và công nghệ đề xuất đã được cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc đã được triển khai trong khu công nghệ cao (đối với dự án đầu tư cơ sở nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao để sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao), khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (đối với dự án đầu tư nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao để sản xuất sản phẩm nông nghiệp, cung ứng dịch vụ công nghệ cao);

b) Chủ nhiệm dự án KH&CN là lãnh đạo của Tổ chức chủ trì dự án KH&CN, có đủ thời gian và khả năng tổ chức thực hiện dự án KH&CN. Trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

5. Tính đến thời điểm đăng ký tham gia thực hiện dự án KH&CN, tổ chức chủ trì dự án KH&CN phải có ít nhất 01 bài báo khoa học hoặc 01 đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích thuộc lĩnh vực của dự án phù hợp với thực tiễn, có khả năng ứng dụng trực tiếp vào sản xuất hoặc 01 đề tài, dự án trong lĩnh vực liên quan từ cấp Bộ (hoặc tương đương) trở lên đã được nghiệm thu hoặc chuyển giao công nghệ.

6. Hệ thống quản lý chất lượng của dự án KH&CN phải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định về quản lý chất lượng sản phẩm.

7. Tuân thủ và áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì áp dụng tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành.

8. Khuyến khích, ưu tiên dự án KH&CN có sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước.

Điều 7. Tiêu chí dự án sản xuất thử nghiệm thuộc Chương trình công nghệ cao

Dự án sản xuất thử nghiệm phải đáp ứng tiêu chí sau:

1. Công nghệ được nghiên cứu phát triển trong dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây viết tắt là dự án) phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và phải thuộc một trong những trường hợp sau: là công nghệ được nghiên cứu phát triển nhằm tạo ra sản phẩm có tính ứng dụng cao; nghiên cứu thích nghi, làm chủ công nghệ cao nhập khẩu, công nghệ cao được chuyển giao; nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, giải mã công nghệ; được nghiên cứu để tạo ra công nghệ cao.

2. Kết quả của dự án phải đáp ứng một trong các điều kiện sau: bảo đảm cho việc phát triển công nghệ cao đạt trình độ tiên tiến trong khu vực trong từng giai đoạn đáp ứng nhu cầu thực tiễn; có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt, cung ứng dịch vụ công nghệ cao, hình thành doanh nghiệp công nghệ cao trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học; tạo ra sản phẩm công nghệ cao, hình thành liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ.

3. Thành viên chính tham gia thực hiện dự án phải có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên.

4. Tính đến thời điểm đăng ký tham gia thực hiện dự án, tổ chức chủ trì dự án phải có ít nhất 01 bài báo khoa học hoặc 01 đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích thuộc lĩnh vực của dự án phù hợp với thực tiễn, có khả năng ứng dụng trực tiếp vào sản xuất hoặc 01 đề tài, dự án trong lĩnh vực liên quan từ cấp Bộ (hoặc tương đương) trở lên đã được nghiệm thu hoặc chuyển giao công nghệ.

5. Tuân thủ và áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì áp dụng tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành.

6. Khuyến khích, ưu tiên dự án có sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước.

Chương III

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KH&CN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NGHỆ CAO

Điều 8. Đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao

1. Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình công nghệ cao và nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn nhiệm vụ KH&CN quy định tại Điều 4, Điều 6 và Điều 7 của Thông tư này, các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ tham gia Chương trình thành phần thuộc Chương trình công nghệ cao gửi Phiếu đề xuất nhiệm vụ về Bộ chủ trì Chương trình thành phần theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này.

a) Đối với đề xuất dự án KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao, hồ sơ đề xuất bao gồm:

- Phiếu đề xuất dự án KH&CN theo Biểu A1-ĐXDAKHCN tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Phiếu đề xuất nhiệm vụ thuộc dự án KH&CN theo Biểu A1.1-ĐXĐT (Phiếu đề xuất đề tài KH&CN), Biểu A1.2-ĐXDA (Phiếu đề xuất dự án) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

- Các tài liệu minh chứng đáp ứng yêu cầu theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 của Thông tư này (bản sao).

b) Đối với đề xuất dự án sản xuất thử nghiệm theo Biểu A1.2-ĐXDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, tổng hợp nhu cầu của các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ tham gia Chương trình thành phần được giao chủ trì, tổ chức lấy ý kiến tư vấn thông qua hội đồng tư vấn hoặc chuyên gia tư vấn độc lập để xây dựng đề xuất đặt hàng phù hợp với Khung chương trình thành phần thuộc Chương trình công nghệ cao đã được các Bộ phê duyệt và gửi hồ sơ về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổ chức xét duyệt theo quy định. Hồ sơ bao gồm:

a) Công văn đề xuất đặt hàng;

b) Bảng tổng hợp danh mục đề xuất đặt hàng nhiệm vụ theo Mẫu B1-ĐXĐH tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN);

c) Phiếu đề xuất nhiệm vụ từ các tổ chức, cá nhân theo biểu mẫu quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ, đề xuất đặt hàng, tổ chức xây dựng, xử lý đề xuất đặt hàng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 và khoản 2 Điều 9 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN.

Điều 9. Xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp và thẩm định kinh phí nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao

1. Thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao được thực hiện theo quy định sau:

a) Thành lập; phương thức làm việc; trình tự, thủ tục làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 06/2023/TT-BKHHCN;

b) Nội dung thảo luận của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ bao gồm quy định tại Điều 13 Thông tư số 06/2023/TT-BKHHCN và ý kiến về sự phù hợp của công nghệ, sản phẩm của đề xuất nhiệm vụ với Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Phiếu nhận xét và Phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng nhiệm vụ áp dụng theo Biểu 1a-NXĐX.KHCN (Phiếu nhận xét đề xuất đặt hàng dự án KH&CN), Biểu 1b-ĐGDĐX.KHCN (Phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng dự án KH&CN), Biểu B1.1-PNX.ĐXDĐH (Phiếu nhận xét đề xuất đặt hàng đề tài/dự án), Biểu B1.2-PDG.ĐXDĐH (Phiếu đánh giá đề xuất đặt hàng đề tài/dự án) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phê duyệt nhiệm vụ đặt hàng thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 06/2023/TT-BKHHCN.

2. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp và thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao thực hiện theo quy định sau:

a) Đối với dự án sản xuất thử nghiệm thuộc Chương trình công nghệ cao thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN). Thuyết minh dự án áp dụng theo Biểu A2.2-TMDA, Phiếu nhận xét và Phiếu đánh giá hồ sơ dự án áp dụng theo Biểu B2.2a-NXDA và Biểu B2.2b-ĐGDA tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Đối với dự án KH&CN, hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện dự án KH&CN thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 14 Điều 5 Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN. Nộp, mở hồ sơ; thành lập; phương thức làm việc; trình tự, thủ tục, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện theo quy định tại

Điều 6, Điều 7, khoản 1, 2, 3 Điều 8, khoản 1, 2 Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN. Thuyết minh tổng quát dự án KH&CN áp dụng theo Biểu A2-TMTQ.KHCN, Phiếu đánh giá hồ sơ dự án KH&CN áp dụng theo Biểu B2-ĐGKHCN tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

c) Đối với nhiệm vụ thuộc dự án KH&CN thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN và khoản 1 Điều 7 Thông tư số 18/2016/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng quản lý dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia. Thuyết minh nhiệm vụ áp dụng theo Biểu A2.1-TMĐT (đối với Thuyết minh đề tài KH&CN) và Biểu A2.2-TMDA (đối với Thuyết minh dự án), Phiếu nhận xét và Phiếu đánh giá hồ sơ nhiệm vụ áp dụng theo Biểu 2.1a-NXĐT và Biểu B2.1b-ĐGĐT (đối với đề tài KH&CN), Biểu B2.2a-NXDA và Biểu B2.2b-ĐGDA (đối với dự án) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đại diện Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là thành viên Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ; thành viên Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình thành phần do Bộ Công Thương hoặc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì.

Điều 10. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao

1. Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao là căn cứ cho việc ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao (sau đây viết tắt là hợp đồng).

2. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức ký hợp đồng với tổ chức chủ trì. Đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ là Bên giao, tổ chức chủ trì là Bên nhận.

Mẫu Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

3. Tổ chức chủ trì có nghĩa vụ và trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và sử dụng hiệu quả kinh phí được cấp phù hợp với hợp đồng.

Điều 11. Điều chỉnh, kiểm tra, đánh giá định kỳ và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao

1. Trong quá trình thực hiện, tổ chức chủ trì có thể gửi kiến nghị bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giải trình bổ sung hoặc điều chỉnh nội dung, sản phẩm, thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao.

Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt việc bổ sung, điều chỉnh nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao theo quy định.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Chủ trì Chương trình thành phần và các Bộ, ngành, địa phương có liên quan định kỳ hàng năm hoặc đột xuất thực hiện việc kiểm tra, đánh giá về tiến độ, tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao.

3. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm chuẩn bị và cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao đang được thực hiện và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát.

4. Trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 12. Đánh giá, nghiệm thu, xử lý tài sản và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức việc đánh giá, nghiệm thu, xử lý tài sản và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao theo các quy định hiện hành.

Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chương trình công nghệ cao.

2. Trình tự, thủ tục đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao thực hiện theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Quản lý, sử dụng và xử lý tài sản hình thành từ nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao thực hiện theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số

02/2020/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan về quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 13. Thanh lý hợp đồng, đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao

1. Việc thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì thực hiện theo quy định hiện hành.
2. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm quản lý, sử dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN của Chương trình công nghệ cao theo quy định của pháp luật.
3. Việc đăng ký, lưu giữ kết quả nhiệm vụ KH&CN và báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 11/2023/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ:
 - a) Thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại điểm a khoản 2 mục V Điều 1 Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ;
 - b) Là đầu mối giúp Ban Chỉ đạo theo dõi, tổng hợp tình hình xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình công nghệ cao;
 - c) Hằng năm tổng hợp nhu cầu nguồn vốn ngân sách của Chương trình thành phần, hoạt động chung của Chương trình công nghệ cao để chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính cân đối, bố trí và hướng dẫn nguồn vốn ngân sách;
 - d) Giúp Ban Chỉ đạo thực hiện việc điều phối, rà soát, lồng ghép các nhiệm vụ của Chương trình thành phần và của các chương trình có liên quan đến công nghệ cao;

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân tích, đánh giá và tổ chức áp dụng rộng rãi các mô hình nhiệm vụ của Chương trình công nghệ cao đã thực hiện.

2. Trách nhiệm của đơn vị quản lý chuyên môn:

a) Đầu mối, giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện Chương trình công nghệ cao theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định định số 130/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2021;

b) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý kinh phí, Ban Chủ nhiệm Chương trình công nghệ cao và các đơn vị liên quan tổ chức xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp, thẩm định kinh phí, phê duyệt nhiệm vụ và xác nhận khối lượng công việc hoàn thành của nhiệm vụ thuộc Chương trình công nghệ cao;

c) Chủ trì xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Chương trình công nghệ cao; xây dựng các báo cáo định kỳ, đột xuất, tổng kết về kết quả thực hiện hằng năm; tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình công nghệ cao;

d) Phối hợp với đơn vị quản lý kinh phí ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ; điều chỉnh hợp đồng; chấm dứt hợp đồng; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao;

đ) Phối hợp với đơn vị quản lý kinh phí tổng hợp, báo cáo tình hình huy động, sử dụng kinh phí từ các nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn kinh phí khác để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình công nghệ cao;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao.

3. Trách nhiệm của đơn vị quản lý kinh phí:

a) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý chuyên môn ký hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao;

b) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý chuyên môn thực hiện tiếp nhận hồ sơ tài chính, quản lý tài chính, cấp kinh phí, kiểm tra, xác nhận kinh phí, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

c) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý chuyên môn kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; điều chỉnh hợp đồng; chấm dứt hợp đồng; đánh giá nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng; các nhiệm vụ khác được phân công liên quan đến quản lý kinh phí theo quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình công nghệ cao và các quy định về sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước;

d) Chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý chuyên môn tổng hợp, báo cáo tình

hình huy động, sử dụng kinh phí từ các nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ và các nguồn kinh phí khác để thực hiện các nhiệm vụ;

d) Phối hợp với đơn vị quản lý chuyên môn xét duyệt nhiệm vụ và xác nhận khối lượng công việc hoàn thành của nhiệm vụ;

e) Phối hợp với đơn vị quản lý chuyên môn xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Chương trình; xây dựng các báo cáo định kỳ, đột xuất, tổng kết về kết quả thực hiện hằng năm; tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình công nghệ cao.

Điều 15. Bộ Công Thương

Trách nhiệm của Bộ Công Thương:

1. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức kêu gọi đề xuất nhiệm vụ trên cơ sở khung chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao đã được phê duyệt;

2. Tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ, xây dựng đề xuất đặt hàng, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp các nhiệm vụ thuộc danh mục đề xuất đặt hàng; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ thuộc Chương trình thành phần theo quy định;

3. Cử đại diện tham gia thành viên Ban chủ nhiệm Chương trình công nghệ cao;

4. Xây dựng báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình thành phần định kỳ hằng năm, đột xuất (theo yêu cầu), gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo.

Điều 16. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

1. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức kêu gọi đề xuất nhiệm vụ trên cơ sở khung chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được phê duyệt;

2. Tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ, xây dựng đề xuất đặt hàng, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp các nhiệm vụ thuộc danh mục đề xuất đặt hàng; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ thuộc Chương trình thành phần theo quy định;

3. Cử đại diện tham gia thành viên Ban chủ nhiệm Chương trình công nghệ cao;

4. Xây dựng báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình thành phần định kỳ hằng năm, đột xuất (theo yêu cầu), gửi Bộ Khoa học và Công nghệ

tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo.

Điều 17. Ban Chủ nhiệm Chương trình công nghệ cao

1. Ban Chủ nhiệm Chương trình công nghệ cao do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập. Ban Chủ nhiệm Chương trình công nghệ cao có từ 07 đến 09 thành viên, trong đó bao gồm Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Thư ký khoa học, Ủy viên đại diện Bộ Công Thương, Ủy viên đại diện Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các Ủy viên khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm.

2. Ban Chủ nhiệm Chương trình công nghệ cao thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Điều 18. Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm nhiệm vụ

Trách nhiệm của Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm nhiệm vụ:

1. Xây dựng và triển khai các nội dung đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ; đề xuất phương án giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN với Bộ Khoa học và Công nghệ;

2. Phối hợp với các đơn vị quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ KH&CN của Chương trình công nghệ cao theo đúng mục tiêu, nội dung và tiến độ đề ra;

3. Kiến nghị bằng văn bản với Bộ Khoa học và Công nghệ về việc điều chỉnh mục tiêu, nội dung, kinh phí và tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao cho phù hợp với yêu cầu thực tế;

4. Ký hợp đồng giao việc, thuê khoán với các tổ chức, cá nhân khác để thực hiện các hạng mục công việc thuộc nội dung đã được giao chủ trì;

5. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất (theo yêu cầu của cơ quan quản lý) về tình hình triển khai nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao và báo cáo quyết toán kinh phí với cấp có thẩm quyền;

6. Chịu trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện đối với các nhiệm vụ được giao chủ trì;

7. Thực hiện việc công bố, giao nộp, tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả, xử lý tài sản của nhiệm vụ theo quy định pháp luật;

8. Đề xuất phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả nhiệm vụ;

9. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; thực hiện quản lý kinh phí của nhiệm vụ theo quy định pháp luật;

10. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng;

11. Tuân thủ các quy định pháp luật liên quan.

Điều 19. Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia Chương trình công nghệ cao;

2. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao theo quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-BKH&CN ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 20. Kinh phí thực hiện Chương trình công nghệ cao

Kinh phí thực hiện Chương trình công nghệ cao được cân đối trong dự toán chi ngân sách khoa học và công nghệ hàng năm, để cấp cho các tổ chức chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KH&CN và các nhiệm vụ chung thuộc Chương trình công nghệ cao, chi cho hoạt động chung của Chương trình công nghệ cao bao gồm: kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo, Ban Chủ nhiệm Chương trình công nghệ cao, kinh phí hợp tác quốc tế, điều tra, khảo sát, hội nghị, hội thảo, thông tin truyền thông và các hoạt động chung khác theo quy định.

Điều 21. Thông tin và cơ sở dữ liệu của Chương trình công nghệ cao

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ chủ trì Chương trình thành phần tổ chức việc hướng dẫn, đăng ký nhiệm vụ trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình công nghệ cao.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.
2. Trong trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được áp dụng theo quy định tại văn bản mới.

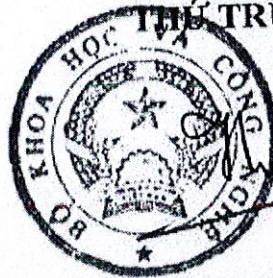
Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận :

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Công thông tin điện tử của Chính phủ;
- Công thông tin điện tử của Bộ KH&CN;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC, CNC.

KT. BỘ TRƯỞNG**THỨ TRƯỞNG****Bùi Thế Duy**